BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TRẦN THỊ HÀ GIANG

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Chuyên ngành: Lí luận và PPDH bộ môn Địa lí
Mã số: 62.14.01.11

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI – 2018

Công trình được hoàn thành tại: Trờng Đại học S phạm Hà Nội

Ngời hớng dẫn khoa học: **1. PGS.TS Đặng Văn Đức**

2. PGS.TS Ngô Quang Sơn

Phản biện 1: **PGS.TS Nguyễn Ngọc Minh**

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế

Phản biện 2: **PGS.TS Đỗ Vũ Sơn**

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Phản biện 3: **TS Nguyễn Mạnh Hùng**

Học viện Quản lí giáo dục

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp: Trường họp tại: ***Trường Đại học Sư phạm Hà Nội***

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày ..... tháng ..... năm 2018

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

1. Trần Thị Hà Giang (2009), *Ứng dụng CNTT nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV trong DH môn TNXH và PPDH TNXH*, Tạp chí Giáo dục, số 218 - Kì 2, trang 21- 23
2. Trần Thị Hà Giang (2012), *Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV thông qua UDCNTT và truyền thông trong DH Địa lí cho SV ngành Tiểu học*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học toàn quốc: "Đổi mới công tác giảng dạy, NCKH và QLGD ở các trường Cao đẳng", trang 88-96
3. Trần Thị Hà Giang, Phạm Việt Quỳnh (2014), *Xu hướng UDCNTT trong DH môn TNXH, KH, LS, ĐL ở Tiểu học*, Tạp chí Giáo dục, số 337, trang 60-62
4. Trần Thị Hà Giang (2014), *UDCNTT và TT trong giáo dục ứng phó biến đổi khí hậu cho SV khoa GDTH ở trường CĐSP Hà Nội*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: "Đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội", trang 406-410
5. Trần Thị Hà Giang (2015), *Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp cho SV sư phạm*, Tạp chí Giáo dục Thủ đô, số 61, trang 20-21
6. Trần Thị Hà Giang, Phạm Thị Quỳnh Anh (2015), *Phát triển năng lực UDCNTT và TT trong dạy học Địa lí cho SV ngành GDTH*, Tạp chí Giáo dục, số 361, kì 1, trang 54-57
7. Trần Thị Hà Giang (2015), *Đổi mới đánh giá theo định hướng phát triển năng lực trong dạy học Địa lí ở Tiểu học*, Tạp chí Khoa học trường ĐH Thủ đô Hà Nội, số 1, trang 90-99
8. Trần Thị Hà Giang (2016), *Sử dụng Edmodo trong dạy học Địa lí cho SV ngành GDTH*, Kỷ yêu Hội thảo khoa học quốc gia : "Đào tạo giáo viên tại các trường đại học đa ngành đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay", trang 96-106

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Sự bùng nổ của khoa học kĩ thuật nói chung và Công nghệ thông tin và truyền thông nói riêng đang có tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Việc ứng dụng Công nghệ thông tin và truyền thông vào giáo dục đang là một hướng đổi mới được nhiều nhà nghiên cứu, nhiều nhà sư phạm đặc biệt quan tâm.

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng ứng dụng Công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị hiện đại trong nhà trường là một yêu cầu khác quan, cấp thiết. Công nghệ thông tin sẽ là công cụ thiết thực để tích cực hóa hoạt động của sinh viên trong các bài giảng trên lớp, tăng cường sự tự học, tự nghiên cứu và hỗ trợ việc chuẩn bị bài giảng cho các kỳ kiến tập, thực tập sư phạm.

Phần Địa lí trong chương trình đào tạo giáo viên Tiểu học có nội dung rộng bao gồm cả Địa lí tự nhiên đại cương, Địa lí các châu lục và địa lí Việt Nam trong khi thời lượng lên lớp được phân phối rất hạn hẹp (12 tiết trên lớp). Phát triển năng lực ứng dụng CNTT & TT trong dạy học địa lí cho SV trở thành nhu cầu bức thiết nhằm thúc đẩy quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, đảm bảo chất lượng đầu ra, SV thực sự trở thành chủ thể của quá trình nhận thức.

Trong bối cảnh đó, việc phát triển năng lực ứng dụng CNTT & TT trong dạy học địa lí cho SV trở thành nhu cầu bức thiết nhằm góp phần biến quá trình đào tạo của nhà trường thành quá trình tự đào tạo của SV nhằm đáp ứng được yêu cầu của đổi mới giáo dục hiện nay.

Với những lý do trên, tôi chọn đề tài ***"Ứng dụng Công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Địa lí cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học theo định hướng phát triển năng lực"*** làm đề tài của luận án.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất và thử nghiệm cách thức ứng dụng CNTT và TT trong dạy học địa lí cho SV theo mô hình học tập kết hợp (Blended learning) nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và phát triển năng lực của SV trong học tập, góp phần đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên Tiểu học.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

1. Nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn của việc ứng dụng CNTT và TT trong DH địa lí cho SV ngành GDTH theo định hướng phát triển năng lực.

2. Đưa ra được những yêu cầu và nguyên tắc UDCNTT và TT trong DH địa lí theo mô hình học tập kết hợp (Blended learning)

3. Xây dựng qui trình thiết kế bài học theo mô hình học tập kết hợp.

4. Thiết kế một số bài học Địa lí theo mô hình học tập kết hợp với sự hỗ trợ của mạng xã hội học tập Edmodo

5. Tổ chức hoạt động học tập Địa lí cho SV theo mô hình học tập kết hợp với sự hỗ trợ của mạng xã hội học tập Edmodo.

6. Tiến hành thực nghiệm sư phạm để kiểm chứng tính hiệu quả và khả thi của việc ứng dụng CNTT và TT trong DH Địa lí cho SV ngành GDTH bằng mô hình học tập kết hợp theo hướng phát triển năng lực.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là cách thức ứng dụng CNTT và TT vào dạy học Địa lí cho SV ngành GDTH bằng mô hình học tập kết hợp (Blended learning) theo hướng phát triển năng lực.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Giới hạn nội dung:

+ Đề tài tập trung nghiên cứu việc UDCNTT và TT trong dạy học Địa lí cho SV ngành GDTH bằng mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) theo hướng phát triển năng lực.

+ Áp dụng ở phần Địa lí trong học phần Cơ sở Tự nhiên – Xã hội trong chương trình đào tạo giáo viên Tiểu học.

- Địa bàn nghiên cứu:

+ Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

+ Một số trường Sư phạm có đào tạo giáo viên Tiểu học hệ Cao đẳng (tham chiếu).

- Đối tượng thực nghiệm sư phạm: SV K20 và K21 ngành Giáo dục Tiểu học, trường ĐH Thủ đô Hà Nội.

- Thời điểm tiến hành thực nghiệm sư phạm: Học kỳ II năm học 2013 – 2014 và và HK1 năm học 2014-2015.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu việc ứng dụng CNTT và TT trong DH địa lí cho SV ngành GDTH bằng mô hình học tập kết hợp một cách hợp lí, đảm bảo các yêu cầu và nguyên tắc dạy học sẽ đem lại hiệu quả, phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo và phát triển năng lực của SV, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên Tiểu học ở các trường sư phạm.

5. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

5.1. Về ứng dụng CNTT và TT trong dạy học

5.1.1. Trên thế giới

Lịch sử phát triển của CNTT trên thế giới được ghi nhận từ khoảng những năm 1880, nhà phát minh người Mỹ Herman Hollerith đã cho ra đời một chiếc máy có thể tính toán, lưu trữ, so sánh thông tin trên những phiếu đục lỗ. Từ đó tới nay, ngành CNTT và TT đã có những bước phát triển vượt bậc, tạo ra thời đại văn minh mới trong lịch sử phát triển của loài người.

Các công trình nghiên cứu cho thấy việc ứng dụng Công nghệ thông tin vào giáo dục đã và đang được thực hiện sâu rộng và có nền tảng vững chắc. Các thành tựu trong nền giáo dục thế giới hiện đại có sự đóng góp đáng kể của Công nghệ thông tin, nó giúp cho việc dạy và học này nay có những thay đổi căn bản so với nền giáo dục truyền thống trước đây.

5.1.2. Ở Việt Nam

Ở Việt Nam, việc ứng dụng CNTT và TT vào dạy học được bắt đầu ở một số trung tâm đào tạo, một số cá nhân giảng viên bắt đầu dạy học bằng máy tính và người học được học với máy tính vào đầu những năm 90 của thế kỉ trước.

Ở Việt Nam nhìn một cách tổng quát việc ứng dụng Công nghệ thông tin vào dạy học đã được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Nhiều phần mềm đã được xây dựng để phục vụ cho quá trình dạy học trong đó có môn Địa lí.

Ở khoa Giáo dục Tiểu học của các trường sư phạm, việc UDCNTT và TT vào dạy học Địa lí đã và đang được quan tâm khuyến khích. Mức độ thực hiện còn tùy thuộc vào năng lực và sự tâm huyết trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy của mỗi giảng viên.

5.2. Về mô hình dạy học kết hợp (Blended learning)

5.2.1. Trên thế giới

Năm 2006 là năm công bố Sổ tay đầu tiên về Blended Learning của Bonk, Graham, Cross & Moore (The handbook of blended learning environments: Global perspectives, local designs).

Sau 10 năm, mô hình học tập kết hợp đã được sử dụng phổ biến ở các nước phát triển và các trung tâm khoa học giáo dục lớn trên thế giới.

5.2.2. Ở Việt Nam

Tại Việt Nam, học tập kết hợp được giới thiệu vào khoảng năm 2007, được sử dụng trước tiên ở môn Tiếng Anh và Tin học.

Hiện nay học tập kết hợp đang được nhiều nhà khoa học giáo dục quan tâm nghiên cứu, áp dụng trong việc tổ chức dạy học với các phân môn khác nhau ở nước ta.

5.3. Về đào tạo giáo viên theo định hướng phát triển năng lực

5.3.1. Trên thế giới

Các bài viết, sách, tài liệu về tiếp cận đào tạo giáo viên theo phát triển năng lực xuất hiện vào những năm 1970. Trong những năm gần đây, trong ĐTGV theo định hướng PTNL, nhiều quốc gia đã xây dựng Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông, và có những định hướng cụ thể để PTNL cho giáo viên.

5.3.2. Ở Việt Nam

Ở Việt Nam, đào tạo giáo viên ở các trường, khoa Sư phạm đang được đổi mới theo hướng PTNL nghề nghiệp theo Chuẩn đầu ra. Chuẩn nghề nghiệp GV Tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xác định trong 3 điều gồm 15 tiêu chuẩn và 60 tiêu chí

Trong đó, mỗi tiêu chí được xác định các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kĩ năng và cách đánh giá tiêu chí. Với cách xác định này, NL được thể hiện là việc

nắm vững các kiến thức và kĩ năng, do đó chưa bao hàm hết các thành tố trong cấu trúc năng lực sư phạm.

6. Quan điểm và phương pháp nghiên cứu

6.1. Quan điểm nghiên cứu

6.1.1. Quan điểm duy vật biện chứng

6.1.2. Quan điểm hệ thống, cấu trúc

6.1.3. Quan điểm lịch sử

6.1.4. Quan điểm thực tiễn

6.1.5. Quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm

6.1.6. Quan điểm công nghệ dạy học

6.1.7. Quan điểm dạy học theo định hướng phát triển năng lực

6.2. Phương pháp nghiên cứu

6.2.1. Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu

6.2.2. Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết

6.2.3. Phương pháp điều tra khảo sát

6.2.4. Phương pháp quan sát

6.2.5. Phương pháp chuyên gia

6.2.6. Phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study)

6.2.7. Phương pháp thống kê

6.2.8. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

7. Những đóng góp của luận án

1. Nghiên cứu và trình bày được hệ thống cơ sở lí luận và thực tiễn của việc ứng dụng CNTT và TT vào dạy học Địa lí cho SV ngành GDTH theo hướng phát triển năng lực.

2. Xây dựng được quy trình thiết kế bài học theo mô hình học tập kết hợp.

3. Xây dựng được trang Mạng xã hội học tập Edmodo để tổ chức học tập kết hợp trong dạy học Địa lí cho SV ngành GDTH.

4. Thiết kế được một số bài học Địa lí theo mô hình học tập kết hợp.

5. Tổ chức được một số hoạt động học tập Địa lí cho SV theo mô hình học tập kết hợp.

6. Đã tiến hành thực nghiệm sư phạm để kiểm chứng tính hiệu quả và khả thi của việc ứng dụng CNTT và TT vào DH Địa lí cho SV ngành GDTH bằng mô hình học tập kết hợp theo hướng phát triển năng lực.

8. Cấu trúc của luận án

Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học địa lí cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học theo hướng phát triển năng lực

Chương 2: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học địa lí bằng mô hình học tập kết hợp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học theo hướng phát triển năng lực

Chương 3: Thực nghiệm sư phạm.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1.1. Những vấn đề đổi mới đào tạo giáo viên ở Việt Nam theo định hướng phát triển năng lực

1.1.1. Định hướng đổi mới

Những vấn đề về đổi mới đào tạo GV được đặt trong bối cảnh của đổi mới giáo dục phổ thông và đổi mới giáo dục đại học. Nói rộng hơn là thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam, để giáo dục thực sự là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã xác định.

Những định hướng chung cho việc đổi mới giáo dục đại học sẽ được cụ thể hóa trong việc đổi mới đào tạo GV của các trường sư phạm cả nước. Trong đó có các vấn đề vĩ mô như quy hoạch mạng lưới các trường, khoa sư phạm, rà soát mục tiêu đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, mô hình đào tạo, chương trình, phương pháp đào tạo GV...

1.1.2. Đổi mới mục tiêu đào tạo

Từ mục tiêu và những định hướng đổi mới của giáo dục phổ thông sau 2015, vị trí và vai trò của GV cũng có những thay đổi tương ứng. GV phải chuyển từ cách truyền thụ tri thức sang vai trò là người hướng dẫn, tổ chức cho HS hoạt động chiếm lĩnh tri thức, gợi mở những con đường phát hiện tri thức,

Bên cạnh chức năng cơ bản là dạy học và giáo dục thì *chức năng nghiên cứu - phát triển* ngày càng trở nên quan trọng đối với người GV trong nhà trường hiện đại.

ĐTGV ở các trường đại học nhằm đáp ứng cho yêu cầu dạy học ở trường phổ thông, vì vậy đổi mới dạy học ở trường phổ thông theo định hướng PTNL là yêu cầu tất yếu khách quan của việc đổi mới ĐTGV theo định hướng PTNL.

1.1.3. Đổi mới chương trình và nội dung đào tạo

Đổi mới mạnh mẽ nội dung giáo dục đại học hướng hiện đại là yêu cầu bắt buộc với các nhà trường Sư phạm hiện nay. Riêng với ngành Giáo dục Tiểu học, sự đổi mới nội dung đào tạo đồng nghĩa với việc chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội, từng bước tiếp cận trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới. Nội dung đào tạo cần được xây dựng theo hướng hiện đại, tinh gọn, bảo đảm chất lượng, tích hợp cao, thích ứng với xu hướng hội nhập và đáp ứng nhu cầu xã hội

1.1.4. Đổi mới phương pháp và hình thức đào tạo

1.1.4.1. Đổi mới phương pháp đào tạo

Đổi mới phương pháp đào tạo GV theo hướng phát huy tính tích cực của người học ở đại học được đặc trưng bởi nguyên lí *"biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo"*. Đào tạo ra những nhà giáo dục tương lai, các trường

càng cần phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, phát huy được khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.

PPDH được đánh giá là PPDH tích cực khi mà sự tương tác giữa thầy và trò, giữa các thành viên trong lớp được coi trọng, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, phát huy được khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.

Thực hiện dạy học tích cực cần phải sử dụng đa dạng các phương pháp và các PTDH trực quan, đặc biệt là các PTDH hiện đại, tăng cường hoạt động thực hành, thực tế, tự nghiên cứu cho SV.

Quá trình tự đào tạo của SV đòi hỏi các hoạt động đào tạo phải được đa dạng hóa, SV phải được hướng dẫn và rèn luyện các phương pháp tự học, tự đào tạo, phương pháp nghiên cứu khoa học.

1.1.4.1. Đổi mới phương pháp và hình thức đào tạo

Đổi mới phương pháp và hình thức đào tạo giáo viên từ niên chế sang học chế tín chỉ là chủ trương lớn của ngành giáo dục, là nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục đại học trong những năm gần đây, nhằm mục tiêu đổi mới hoạt động đào tạo, tiếp cận với các hình thức đào tạo tiên tiến trên thế giới.

1.2. Những vấn đề chung về năng lực

1.2.1. Khái niệm năng lực

(1) Năng lực liên quan đến bình diện mục tiêu của dạy học: mục tiêu dạy học được mô tả thông qua các năng lực cần hình thành;

(2) Trong chương trình, những nội dung học tập và hoạt động cơ bản được liên kết với nhau nhằm hình thành các năng lực;

(3) Năng lực là sự kết nối tri thức, hiểu biết, khả năng, mong muốn...;

(4) Mục tiêu hình thành năng lực định hướng cho việc lựa chọn, đánh giá mức độ quan trọng và cấu trúc hóa các nội dung và hoạt động và hành động dạy học về mặt phương pháp;

(5) Năng lực mô tả việc giải quyết những đòi hỏi về nội dung trong các tình huống...;

(6) Các năng lực chung cùng với các năng lực chuyên môn tạo thành nền tảng chung cho công việc giáo dục và dạy học;

(7) Mức độ đối với sự phát triển năng lực có thể được xác định trong các tiêu chuẩn nghề

1.2.2. Phân loại năng lực

Năng lực chuyên môn (*Professional competency)*

Năng lực phương pháp (*Methodical competency)*

Năng lực xã hội (*Social competency*)

Năng lực cá thể (*Induvidual competency*)

1.2.3. Khái niệm về năng lực sư phạm

"Năng lực sư phạm là khả năng và ý chí của giáo viên thường xuyên áp dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ để phát huy học tập của học sinh trong các cách tốt nhất. Điều này sẽ diễn ra theo các mục tiêu đang được nhắm vào các

khuôn khổ hiện tại, bao hàm sự phát triển liên tục các năng lực của giáo viên vào thiết kế khóa học." (Giertz,2003, p.94)

"Năng lực sư phạm ngụ ý rằng các giáo viên từ các mục tiêu rõ ràng và các khuôn khổ, thông qua phát triển liên tục của việc dạy và phát triển nghề nghiệp cá nhân, hỗ trợ và tạo điều kiện học tập của học sinh một cách tốt nhất. Năng lực sư phạm này cũng phản ánh năng lực của giáo viên liên quan đến sự hợp tác, nhìn toàn diện và đóng góp vào sự phát triển của phương pháp sư phạm cho giáo dục đại học." (Ryegård, 2008, p. 9)

Các tiêu chí năng lực sư phạm của giáo viên được đánh giá trên các mặt:1.Thái độ; 2. Kiến thức; 3. Khả năng; 4.Thích ứng với tình hình; 5. Nỗ lực; 6. Liên tục phát triển; 7. Một tích hợp toàn bộ.

1.2.4. Những năng lực cơ bản của giáo viên Tiểu học

* Năng lực chẩn đoán
* Năng lực đáp ứng
* Năng lực đánh giá
* Năng lực thiết lập mối quan hệ thuận lợi với người khác
* Năng lực triển khai chương trình dạy học
* Năng lực đáp ứng với trách nhiệm xã hội

1.3. Công nghệ thông tin và truyền thông trong đổi mới phương pháp dạy học địa lí cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học theo hướng phát triển năng lực

1.3.1. Các khái niệm cơ bản về Công nghệ thông tin và truyền thông

CNTT và TT cung cấp cho chúng ta các quan điểm, phương pháp khoa học, các phương tiện và giải pháp kỹ thuật hiện đại chủ yếu là các máy tính và phương tiện truyền thông nhằm tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động KT - XH, văn hóa và con người.

1.3.2. Vai trò của công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học

1.3.2.1. Vai trò trong đổi mới phương pháp dạy học

CNTT và TT có tác động làm thay đổi nội dung và phương pháp truyền đạt trong dạy học, có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ GgV đánh giá và lượng giá học tập toàn diện, khách quan ngay trong quá trình học…tăng khả năng tích cực chủ động tham gia học tập của người học.....

CNTT và TT góp phần thay đổi hình thức dạy và học: chuyển đổi từ hình thức dạy mặt đối mặt trên lớp sang học trực tuyến E-learning sang học tập kết hợp giữa 2 hình thức trên (Blended learning)

1.3.2.2. Vai trò trong đổi mới phương tiện, thiết bị dạy học

Phương tiện ứng dụng CNTT và TT trong dạy học bao giúp cho việc chuẩn bị bài học, tổ chức giảng dạy và học tập của GgV và SV.

1.3.2.3. Đổi mới trong kiểm tra, đánh giá

Việc sử dụng các phần mềm thi trắc nghiệm và các website phục vụ kiểm tra đánh giá giúp thuận tiện trong việc tạo đề thi. Cho kết quả chính xác, khách quan, sử dụng được nhiều lần, có bảng tổng hợp kết quả nhanh chóng…

1.3.3. Một số hướng ứng dụng CNTT và TT vào dạy học địa lí cho SV ngành GDTH

1.3.3.1. Sử dụng một số phần mềm tin học văn phòng trong việc chuân bị bài học địa lí: word, exel, power point...

1.3.3.2. Sử dụng những phần mềm chuyên dụng cho việc dạy học: Violet, Hi-Teach...

1.3.3.3. Sử dụng hình thức của các trò chơi truyền hình vào dạy học địa lí

1.3.3.4. Sử dụng các phần mềm thiết kế bài giảng trực tuyến E-learning

1.3.3.5. Ứng dụng CNTT trong kiểm tra đánh giá môn địa lí ở Tiểu học

1.4. Mô hình dạy học kết hợp (Blended learning) trong dạy học địa lí cho SV ngành GDTH

1.4.1. Khái niệm về dạy học kết hợp

Từ khoảng những năm 2002- 2003 trở đi đã xuất hiện rất nhiều định nghĩa của học tập kết hợp. Tựu chung lại, học tập kết hợp không hẳn là mô hình học tập hoàn toàn mới, nó là sự kết hợp những ưu điểm của phương pháp học truyền thống và tận dụng thế mạnh của công nghệ thông tin. Với mô hình học tập này, cả GgV và SV sẽ có phương pháp tiếp cận môn học theo hướng toàn diện hơn.

Học tập kết hợp ngày nay là phương pháp học tập được ứng dụng bởi rất nhiều tổ chức giáo dục và trường Đại học lớn trên thế giới như Harvard, Oxford...

1.4.2. Đặc điểm của mô hình dạy học kết hợp

- Có sự kết hợp của các mô hình truyền đạt kiến thức khác nhau; Có sự kết hợp của công nghệ; Có cơ sở thực hành giống như phòng học; Có những hoạt động đồng bộ, không đồng bộ; Làm việc theo nhóm; Kết hợp các phương pháp dạy học khác nhau; Người học là chủ đạo, người học phải tự làm chủ quá trình học của mình.

1.4.3. Cấu trúc của mô hình dạy học kết hợp

** Mức độ 1.*

- GV cung cấp bài giảng và giảng bài trên lớp, hỗ trợ các tài liệu hướng dẫn môn học cho SV.
- SV tìm tòi các tài liệu liên quan tới môn học ở thư viện, Internet .

** Mức độ 2*

- GV thiết kế các bài giảng trực tuyến và cung cấp cho SV.
- SV tìm kiếm các tài liệu và cập nhật các thông tin môn học của GV bằng thư điện tử, diễn đàn.

** Mức độ 3*

GV cung cấp tài liệu đa phương tiện (có âm thanh, hình ảnh, video..) cho SV trên nền tảng Internet, xây dựng hệ thống kiểm tra trực tuyến để kiểm tra định kỳ cho môn học.

Việc tổ chức dạy học địa lí cho SV ngành GDTH bằng mô hình dạy học kết hợp được tác giả thực nghiệm ở mức độ 3.

1.4.4. Tác dụng và ý nghĩa của mô hình dạy học kết hợp

1.4.4.1. Mô hình dạy học kết hợp tốt nhất giữa học trên lớp và học online để nâng cao kết quả học tập

1.4.4.2. Thay đổi phương pháp giảng dạy

1.4.4.3. Thu hút người học thông qua tương tác

1.4.4.4. Cộng tác ngoài lớp học

1.4.4.5. Cá nhân hóa việc học tập

1.4.4.5. Tăng trách nhiệm và quản lý người học

1.4.4.6. Điều chỉnh thực tiễn và các chính sách

1.4.4.7. Thay đổi mô hình dạy học

1.4.4.7. Các công nghệ cần thiết cho tổ chức dạy học kết hợp

1.4.4.8. Triển vọng phát triển của mô hình dạy học kết hợp

1.4.5. Khả năng áp dụng mô hình dạy học kết hợp trong dạy học địa lí cho sinh viên ngành GDTH

Theo mô hình dạy học kết hợp GV có thể xây dựng bài giảng trực tuyến, GV có thể giao bài cho SV trước khi lên lớp, SV tự học ở nhà, làm bài tập theo yêu cầu của GV. Thời gian đến lớp thay vì nghe GV giảng bài, SV sẽ được GV hướng dẫn thảo luận, giải bài tập khó… Như vậy, hình thức tổ chức hoạt động dạy học thay đổi: "Học ở lớp, làm bài tập ở nhà" chuyển thành "Tự học ở nhà, cùng trao đổi qua mạng xã hội học tập, đến lớp trao đổi, thảo luận nhóm, báo cáo kết quả và được GV giải đáp thắc mắc". Đây chính là mô hình dạy học kết hợp đang được nghiên cứu ứng dụng rộng rãi trên thế giới.

1.5. Đặc điểm tâm lí và trình độ nhận thức của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học

1.5.1. Đặc điểm phát triển tâm lí của thanh niên sư phạm và sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học

1.5.1.1. Sự phát triển về nhận thức, trí tuệ

Bản chất hoạt động nhận thức của SV nói chung và SV sư phạm nói riêng là đi sâu, tìm hiểu những môn học, những chuyên ngành khoa học cụ thể một cách chuyên sâu để nắm được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, quy luật của các khoa học đó nhằm mục đích trở thành những chuyên gia trong các lĩnh vực nhất định. SV học tập nhằm lĩnh hội các tri thức, KN, kĩ xảo nghề nghiệp, phát triển nhân cách của người chuyên gia tương lai. Hoạt động nhận thức của họ vừa gắn kết với nghiên cứu khoa học, vừa không tách rời hoạt động nghề nghiệp. Hoạt động lĩnh hội tri thức và rèn luyện các KN nghề nghiệp không tách rời mà đan xen với nhau trong quá trình đào tạo. Hoạt động học tập của SV diễn ra một cách có kế hoạch, có mục đích, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp đào tạo theo thời gian chặt chẽ nhưng đồng thời không quá bị khép kín, quá câu nệ mà lại có tính chất mở rộng khả năng theo năng lực, sở trường để họ có thể phát huy được tối đa năng lực nhận thức của cá nhân trong nhiều lĩnh vực.

Phương tiện hoạt động nhận thức của SV được mở rộng và phong phú với các thư viện, phòng đọc, phòng thực nghiệm, thí nghiệm,... và các trang thiết bị phục vụ cho ngành nghề được đào tạo. Do đó, phạm vị hoạt động nhận thức của SV đa dạng, vừa rèn luyện KN, kĩ xảo nghề nghiệp, vừa phát huy việc học nghề một cách rõ rệt. Hoạt động học tập của SV mang tính độc lập, tự chủ, sáng tạo cao. Do đó đối với SV sư phạm cần phải áp dụng các phương pháp đào tạo tiên tiến, sử dụng các PPDH tích cực, tạo điều kiện cho quá trình tự học và tự nghiên cứu.

1.5.1.2. Sự phát triển động cơ học tập

Động cơ học tập của thanh niên SV sư phạm bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau. Nhìn nhận những yếu tố chi phối động cơ học tập của SVsẽ thấy vai trò của giảng viên trong việc tổ chức hoạt động học tập cho SVvà vai trò cần thiết tạo ra tính hấp dẫn, cập nhật, khoa học của nội dung tài liệu học tập để thu hút người học. Những tác động tổng hợp của hai nhân tố này sẽ ảnh hưởng lớn đến động cơ học tập của thanh niên SV. Đặc điểm này dẫn đến việc các cơ sở đào tạo GV phải xây dựng chương trình khoa học, lựa chọn nội dung học tập cập nhật, gắn liền với nghề dạy học, thực hiện đổi mới PPDH...

1.5.1.3. Sự phát triển phẩm chất nhân cách

Định hướng giá trị nhân cách của người SV sư phạm gắn bó mật thiết với nghề dạy học. Do đó, SV sư phạm thường hình thành lý tưởng nghề nghiệp rõ ràng, đó là lòng yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, hy sinh vì công việc, có tinh thần trách nhiệm,... Ngoài ra, người SV sư phạm còn có lối sống trong sáng, cao thượng, khiêm tốn, kiên trì, thương yêu và tôn trọng HS... Những định hướng về giá trị đạo đức trên đây được hình thành dần dần trong quá trình đào tạo tại các trường sư phạm. Nó mang những nét đặc trưng rất riêng biệt của người thanh niên SV sư phạm.

1.5.2. Trình độ nhận thức của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Sinh viên của khoa tuyệt đại đa số là nữ; đại bộ phận sinh viên sống cùng gia đình khi theo học ngành GDTH nên vẫn thường xuyên chịu tác động từ phía gia đình tới việc học (gần như học sinh phổ thông); nhạy cảm với những thay đổi về văn hóa, giáo dục, xu hướng thẩm mỹ…diễn ra ở Hà Nội; am hiểu về văn hóa, lịch sử, địa danh Hà Nội; là ví dụ tương đối điển hình về nếp sống văn minh thanh lịch của người Hà Nội; luôn có ý thức bồi dưỡng tình yêu Hà Nội cho học sinh Tiểu học Hà Nội; không nói ngọng, nói lắp, nói giọng các địa phương khác; có năng lực tổ chức các hoạt động dạy học và hoạt động ngoài giờ lên lớp ở Tiểu học gắn với Hà Nội giúp học sinh liên hệ địa phương và vận dụng vào thực tế đời sống… Những năm gần đây, sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học tích cực cập nhật phương pháp, phương tiện dạy học hiện đại ứng dụng vào dạy học, đặc biệt là ứng dụng CNTT và TT; chủ động nâng cao trình độ Tiếng Anh chuyên ngành Tiểu học để tổ chức được các hoạt động bằng Tiếng Anh và dạy học song ngữ.

1.6. Mục tiêu, nội dung đào tạo giáo viên Tiểu học ở trường Đại học Thủ đô Hà Nội

1.6.1. Mục tiêu đào tạo

1.6.1.1. Mục tiêu tổng quát

- Có những phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đảm bảo được những yêu cầu đổi mới giáo dục. Có tiềm lực để không ngừng hoàn thiện trình độ đào tạo ban đầu, vươn lên đáp ứng những yêu cầu mới.

1.6.1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Kiến thức:

Nắm vững mục tiêu, nội dung cơ bản của chương trình, sách giáo khoa của các môn học được phân công giảng dạy... Hiểu biết về đặc điểm tâm lý, sinh lý của học sinh tiểu học, kể cả học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tham gia học tập, nghiên cứu cơ sở lý luận của việc kiểm tra, đánh giá đối với hoạt động giáo dục và dạy học ở tiểu học; Có kiến thức phổ thông về chính trị, xã hội và nhân văn, kiến thức liên quan đến ứng dụng CNTT và TT, ngoại ngữ.

b. Kỹ năng:

Có kỹ năng lập kế hoạch dạy học; biết cách soạn giáo án theo hướng đổi mới. Có kỹ năng tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp phát huy được tính năng động sáng tạo của học sinh. Có kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Có kỹ năng thực hiện thông tin hai chiều trong quản lý chất lượng giáo dục; hành vi trong giao tiếp, ứng xử có văn hoá và mang tính giáo dục. Có kỹ năng xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy.

c. Thái độ, đạo đức:

Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước. Chấp hành quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động. Đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; tinh thần đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp; sự tín nhiệm của đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng. Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và học sinh.

1.6.2. Chương trình, nội dung đào tạo

1.6.2.1. Khái quát về chương trình đào tạo ngành GDTH hệ Cao đẳng

Chương trình đào tạo giáo viên Tiểu học hệ Cao đẳng tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội hiện nay được thực hiện dưới hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ với tổng số 93 tín chỉ không kể các học phần tính chứng chỉ như Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh, bơi lội, Tiếng Anh…

Các học phần được phân phối trong 6 học kì. Riêng học kỳ 6 được sắp xếp thời gian ngắn hơn, số tín chỉ phải hoàn thành ít hơn.

Nội dung Tin học và ứng dụng CNTT và TT vào dạy học các phân môn ở Tiểu học hiện được phân phối thành các học phần riêng biệt và tích hợp trong các học phần PPGD bộ môn.

1.6.2.2. Phần Địa lí trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học

- Học phần Cơ sở Tự nhiên – Xã hội: SV được học ở năm thứ nhất. Thời lượng dành cho phần Địa lí gồm 12 tiết trên lớp và 24 tiết tự học. Tuy nhiên nội dung Địa lí phần này rất rộng bao gồm cả Địa lí tự nhiên đại cương, Địa lí các châu lục và Địa lí Việt Nam.

- Học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội 1: SV được học ở năm thứ hai. Học phần đề cập tới các phương pháp dạy học tích cực, các hình thức tổ chức dạy học phổ biến với môn Tự nhiên – Xã hội, Khoa học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục môi trường ở trường Tiểu học.

- Học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội 2: SV được học ở năm thứ ba. Học phần này hướng dẫn sinh viên cách dạy học theo từng mạch chủ đề. Mạch chủ đề Địa lí được chia thành 2 phân khúc căn cứ theo chương trình Tiểu học bao gồm: Hướng dẫn dạy học chủ đề Địa lí lớp 1-2-3 và Hướng dẫn dạy học môn Địa lí lớp 4,5.

1.6.2.3. Danh mục các bài Địa lí trong học phần "Cơ sở tự nhiên - xã hội"

- Phần 1: Địa lí tự nhiên đại cương (5 tiết)
  + Bài 1: Vũ trụ và Hệ Mặt trời (1 tiết)
  + Bài 2: Hình dạng, kích thước, cấu tạo của Trái đất và hệ quả (1 tiết)
  + Bài 3: Vận động tự quay quanh trục, quay xung quanh Mặt trời của Trái đất và hệ quả (2 tiết)
  + Bài 4: Một số thành phần của lớp vỏ địa lí (1 tiết)
- Phần 2: Địa lí các châu lục (2 tiết)
  + Bài 5: Châu Phi, châu Mỹ, châu Âu (1 tiết)
  + Bài 6: Châu Á, Châu Đại dương, châu Nam cực (1 tiết)
- Phần 3: Địa lí Việt Nam (5 tiết)
  + Bài 7: Địa lý tự nhiên Việt Nam (2 tiết)
  + Bài 8: Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam (2 tiết)
  + Bài 9: Địa lí vùng Việt Nam (1 tiết)

1.7. Thực trạng việc ứng dụng CNTT và TT trong dạy học Địa lí theo mô hình học tập kết hợp ở khoa Giáo dục Tiểu học

1.7.1. Việc UDCNTT và TT trong dạy học

** Nhóm các phần mềm văn phòng: Microsoft Office, Open Office*

** Nhóm các phần mềm ứng dụng dạy học nói chung*

- Tạo bài giảng điện tử (Violet, eXe, Adobe Presenter, Macromedia Flash
- Xây dựng sơ đồ tư duy (Mind Manager, ImindMap,….)
- Xử lí ảnh, âm thanh, video (Paint, Picture Manager, Photoshop, Window Movie Maker, Cool Edit Pro,…)

** Nhóm các phần mềm hỗ trợ dạy học Địa lí*

- Sử dụng phần mềm Microsoft Encata, GIS, Google Earth, Google Maps, Google Books để xem thông tin và tra cứu bản đồ thế giới.

- Sử dụng phần mềm MapInfo để xây dựng bản đồ chuyên đề.

** Nhóm các trang web, phương tiện hỗ trợ quá trình dạy học*

- Sử dụng trình duyệt web (Mozilla FireFox, Internet Explorer, Cốc Cốc...)

- Khai thác và sử dụng hiệu quả các thông tin và ứng dụng trên các website hỗ trợ dạy học địa lí như http://dialy.hnue.edu.vn/ (website Khoa Địa lí trường ĐHSPHN), http://www.kidsgeo.com, (website có các bài học và các trò chơi trực tuyến dành cho trẻ em), http://www.sheppardsoftware.com/ (website có các trò chơi học tập cho môn Địa lí và nhiều môn học khác phù hợp với lứa tuổi Tiểu học); http://education.nationalgeographic.com (website giáo dục về các lĩnh vực phù hợp với mọi lứa tuổi)

- Sử dụng email hàng ngày

- Thiết kế và sử dụng các trang web, tạo nhóm học tập trên các trang mạng xã hội, mạng xã hội học tập…

1.7.2. Việc UDCNTT và TT trong dạy học theo mô hình học tập kết hợp

Mô hình học tập kết hợp (Blended learning) là một mô hình dạy học mới, tiếp cận và sử dụng mô hình này tại Đại học Thủ đô Hà Nội ngày một phổ biến hơn.

Tuy nhiên, việc tiếp cận và sử dụng mô hình dạy học kết hợp cũng gặp nhiều khó khăn đối với cả GV và SV nhất là quy trình, cách thức vận dụng mô hình còn những hạn chế nhất định. Điều đó đòi hỏi phải đầu tư nghiên cứu để áp dụng mô hình một cách hiệu quả.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

- Đổi mới PPDH nói chung và PPDH Địa lí nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng, đã và đang được tiến hành mạnh mẽ trên cơ sở đổi mới theo yêu cầu của xã hội về mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục.

- Ứng dụng CNTT&TT trong dạy học là một trong những giải pháp góp phần đổi mới PPDH, nâng cao hiệu quả bài học Địa lý; giúp SV ngành GDTH nâng cao chất lượng học tập thông qua thay đổi phương pháp học tập, đó là tự học, tự nghiên cứu và tự đánh giá trong học tập.

- Sử dụng mô hình học tập kết hợp (Blended learning) là một trong những giải pháp tối ưu nhằm giải quyết được vấn đề nội dung học tập nhiều trong khi thời lượng lên lớp ít của phần Địa lí trong chương trình đào tạo giáo viên Tiểu học.

- Từ việc hệ thống, khái quát và phát triển những vấn đề lý luận, đồng thời rút ra những nhận định chung từ việc ứng dụng CNTT&TT vào dạy học, đề tài đã xây dựng được cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc nghiên cứu, ứng dụng CNTT&TT vào dạy học địa lí, đặc biệt là sử dụng mô hình học tập kết hợp vào việc tổ chức dạy học cho SV ngành GDTH theo hướng phát triển năng lực.

CHƯƠNG 2: QUI TRÌNH VÀ CÁCH THỨC ÁP DỤNG MÔ HÌNH DẠY HỌC KẾT HỢP (BLENDED LEARNING) TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

2.1. Những yêu cầu và nguyên tắc đối với việc áp dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning) trong dạy học địa lí cho sinh viên ngành GDTH

2.1.1. Những yêu cầu đối với việc áp dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning) trong dạy học địa lí cho sinh viên ngành GDTH

2.1.1.1. Áp dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning) trong dạy học địa lí cho SV ngành GDTH phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và phổ thông hiện nay.

Những vấn đề về đổi mới đào tạo GV được đặt trong bối cảnh của đổi mới giáo dục phổ thông và đổi mới giáo dục đại học. Nói rộng hơn là thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam, để giáo dục thực sự là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã xác định.

Những định hướng chung cho việc đổi mới giáo dục đại học sẽ được cụ thể hóa trong việc đổi mới đào tạo GV của các trường sư phạm cả nước. Trong đó có các vấn đề vĩ mô như quy hoạch mạng lưới các trường, khoa sư phạm, rà soát mục tiêu đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, mô hình đào tạo, chương trình, phương pháp đào tạo GV,... Các trường ĐH sư phạm phải là các trung tâm sáng tạo và đổi mới của ngành sư phạm cả nước, đảm bảo sự đồng bộ về số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ GV, phải có những đóng góp thiết thực vào đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

2.1.1.2. Áp dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning) trong dạy học địa lí cho SV ngành GDTH phải đáp ứng được mục tiêu môn học.

a. Kiến thức

b. Kỹ năng

c. Thái độ, đạo đức

2.1.1.3. Áp dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning) trong dạy học địa lí cho SV ngành GDTH phải đáp ứng nhu cầu, lợi ích học tập, phát huy được tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và phát triển năng lực của sinh viên

Dạy học theo mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) luôn tập trung chú ý đến người học "lấy người học làm trung tâm", người dạy phải tính đến nhu cầu, nguyện vọng của người học, đến những đặc điểm tâm sinh lí và cấu trúc tư duy của mỗi SV. Việc dạy phải xuất phát từ người học, vì người học, phải đáp ứng được những yêu cầu của người học cũng như của xã hội. Tăng cường dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, phát triển năng lực của SV.

2.1.1.4. Áp dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning) trong dạy học địa lí cho SV ngành GDTH phải xây dựng được môi trường học tập hiệu quả

** Yêu cầu đối với giáo viên*

GV cần phải có năng lực sư phạm tốt để tổ chức các hoạt động dạy học môn Địa lí theo mô hình học tập kết hợp.

** Yêu cầu đối với SV*

SV cần có những hiểu biết và kỹ năng sử dụng thành thạo máy tính, kỹ năng làm việc nhóm…

**Yêu cầu về cơ sở vật chất (phòng máy tính, Internet…)*

Cơ sở vật chất của các nhà trường cần đảm bảo có phòng tin học riêng biệt của khoa GDTH hoặc phòng tin học chung của trường có kết nối mạng internet. Ngoài ra các phòng học cần có những phương tiện dạy học hiện đại như máy chiếu, TV màn hình cỡ lớn.

2.1.1.5. Áp dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning) trong dạy học địa lí cho SV ngành GDTH phải đáp ứng được yêu cầu rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành GDTH

Kỹ năng chuẩn bị giảng dạy, kỹ năng giảng dạy và các kỹ năng ngoài giờ lên lớp; Kỹ năng thể hiện sự mẫu mực của người GVTH; Kỹ năng ngôn ngữ sư phạm; Kỹ năng viết chữ, trình bày bảng; Kỹ năng giao tiếp sư phạm; Kỹ năng giáo dục; Kỹ năng tự học.

2.1.2. Nguyên tắc áp dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning) cho sinh viên ngành GDTH

2.1.2.1. Đảm bảo quá trình dạy học hướng "tập trung vào người học"

2.1.2.2. Đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với khả năng nhận thức của sinh viên theo mô hình học tập kết hợp (Blended Learning)

2.1.2.3. Đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ của các biện pháp tác động đến quá trình dạy học địa lí theo mô hình học tập kết hợp (Blended Learning).

2.1.2.4. Đảm bảo tính hiệu quả của việc áp dụng mô hình học tập kết hợp

2.2. 2.2. Mạng xã hội và cách thức khai thác mạng xã hội trong dạy học địa lí cho sinh viên ngành GDTH theo mô hình dạy học kết hợp

2.2.1. Giới thiệu về mạng xã hội

2.2.1.1. Mạng xã hội

Mạng xã hội, hay gọi là mạng xã hội ảo (Social network) là dịch vụ nối kết các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian.

Các mạng xã hội điển hình có thể kể đến như Y!360, Windows Live Space, Twitter, Facebook ...

2.2.1.2. Mạng xã hội học tập

Mạng xã hội học tập là mô hình được xây dựng trên hệ thống mạng xã hội phục vụ chuyên biệt cho việc tổ chức dạy học, lưu trữ tài nguyên học tập và tương tác dạy học online.

2.2.1.3. Mạng xã hội học tập Edmodo

Edmodo mạng xã hội học tập lớn nhất trên thế giới được phát triển từ năm 2008, hiện nay đã có hơn 60,000,000 người dùng đến từ các quốc gia khác nhau, chủ yếu tập trung ở Mỹ và các quốc gia nói tiếng Anh. Giao diện Edmodo hỗ trợ 10 ngôn ngữ khác nhau. Ứng dụng điện thoại của phần mềm này cũng được tải nhiều trên hệ điều hành iOS và Android, tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học ở mọi nơi, mọi lúc.

2.2.2. Vai trò của mạng xã hội học tập Edmodo với dạy học kết hợp

2.2.2.1. Chia sẻ tài nguyên không giới hạn

2.2.2.2. Cộng tác hiệu quả

2.2.2.3. Đẩy mạnh hoạt động dạy và học

2.2.2.4. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá

2.2.3. Cách thức khai thác mạng xã hội học tập Edmodo vào dạy học địa lí theo mô hình dạy học kết hợp

2.2.3.1. Hướng dẫn giảng viên thiết kế và sử dụng mạng xã hội học tập Edmodo phục vụ dạy học Địa lí

- Đăng nhập http://edmodo.com
- Chọn "I'm a teacher"
- Kê khai thông tin và cập nhật tài khoản, cài đặt
- Tạo hồ sơ giáo viên
- Tạo nhóm lớp

2.2.3.2. Hướng dẫn sinh viên sử dụng Edmodo

a. Đăng ký tài khoản Edmodo

- Người học cần có 1 tài khoản email
- Truy cập website http://edmodo.com
- Đăng kí mở tài khoản Edmodo, chọn "I'm student"

2.2.3.3. Quản lí tài khoản cá nhân của sinh viên

- Tạo hồ sơ sinh viên
- Tham gia vào các lớp học
- Đăng kí vào các nhóm (tổ) học tập được thống nhất trước
- Thực hiện các bài tập được giao
- SV chủ động các khâu làm bài, tự chấm điểm phần trắc nghiệm, xem kết quả bài trắc nghiệm, xem kết quả tích lũy các bài tập, các danh hiệu đạt được, lập kế hoạch học tập, …

2.2.3.4. Tương tác

- SV có thể phản hồi thông tin tới GV và các SV khác thông qua việc bình luận (coments) hoặc gửi biểu tượng phản hồi thông tin (icon) vào các bài tập
- GV giải đáp các thắc mắc, định hướng phần tự học cho SV trên Edmodo
- GV và SV có thể tương tác với cộng đồng người dạy và người học sử dụng Edmodo cùng đơn vị, ở Việt Nam và trên toàn thế giới.

2.3. Thiết kế quy trình dạy học kết hợp trong dạy học địa lí cho SV ngành GDTH

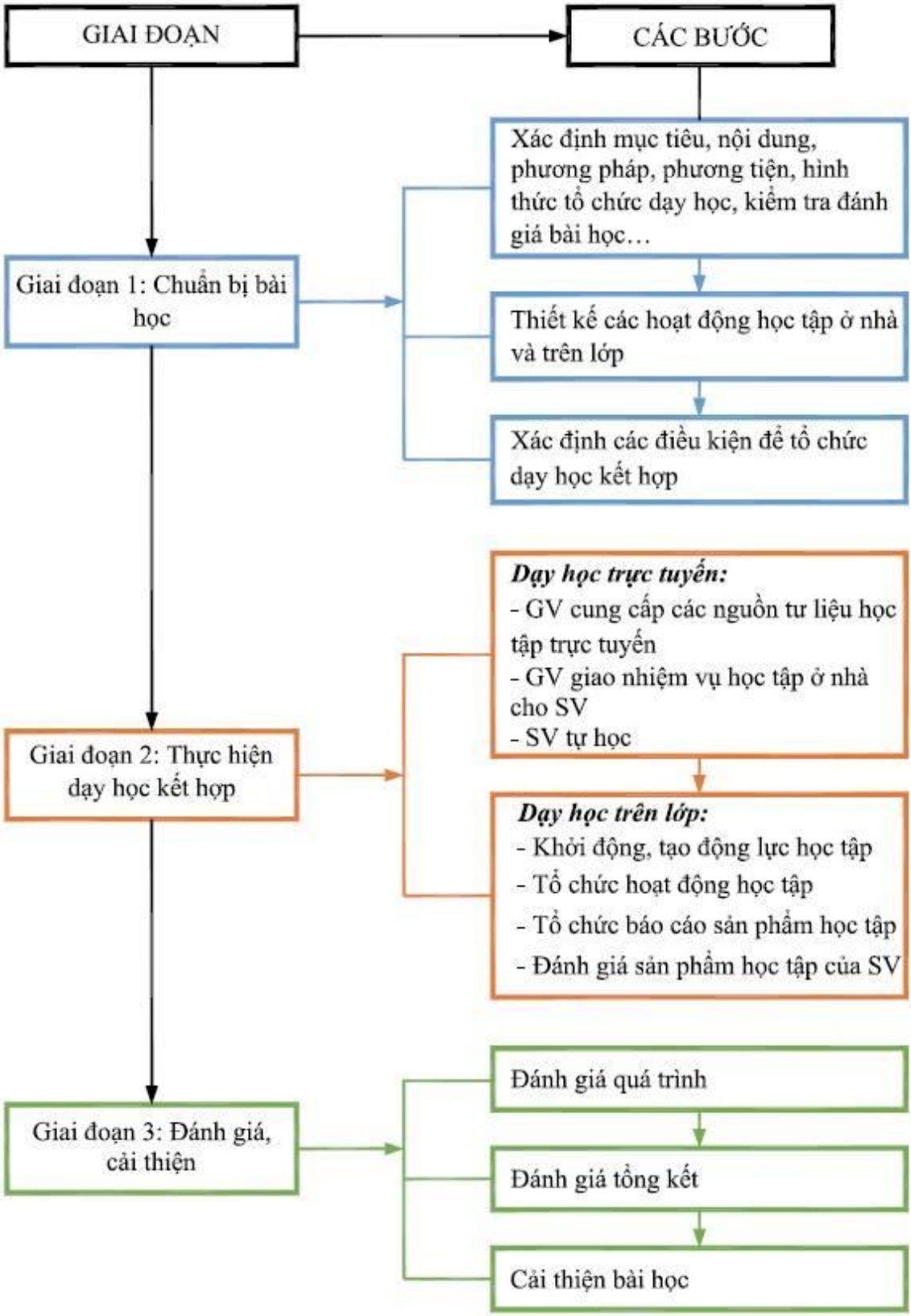

Hình 2.1. Quy trình áp dụng mô hình dạy học kết hợp trong dạy học địa lí cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học

2.4. Thiết kế một số bài học địa lí theo mô hình học tập kết hợp (Blended Learning)

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

- Nghiên cứu những cơ sở lý luận của việc ứng dụng CNTT&TT trong đổi mới PPDH phục vụ dạy học địa lý theo hướng tích cực.
- Nghiên cứu việc sử dụng mô hình học tập kết hợp (Blended learning) vào dạy học địa lí nhằm nâng cao chất lượng học tập của SV.
- Nghiên cứu việc xây dựng trang MXHHT phục vụ dạy học địa lí bằng mạng xã hội Edmodo.
- Tiến hành xây dựng một số bài học địa lí theo mô hình học tập kết hợp (Blended learning) với sự hỗ trợ của MXHHT Edmodo.
- Xây dựng các bước tổ chức hoạt động học tập địa lí cho SV theo mô hình học tập kết hợp (Blended learning) với sự hỗ trợ của MXHHT Edmodo.

CHƯƠNG 3: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc thực nghiệm

3.1.1. Mục đích của thực nghiệm

Việc tiến hành thực nghiệm sư phạm là nhằm kiểm chứng những nghiên cứu lí thuyết về việc thiết kế và tổ chức các bài học Địa lí trong dạy học học phần Cơ sở tự nhiên - Xã hội theo tiếp cận của Blended learning theo các quan điểm công nghệ dạy học, lấy người học làm trung tâm. Kết quả của thực nghiệm sư phạm sẽ chứng minh giá trị thực tiễn, tính khách quan và tính khoa học của các kết quả nghiên cứu lí thuyết mà đề tài đã đã xác lập được.

3.1.2. Nhiệm vụ thực nghiệm

Stt	Nhiệm vụ thực nghiệm
1	Xác lập các giả thuyết khoa học liên quan đến việc ứng dụng CNTT vào dạy học Địa lí cho SV ngành GDTH theo hướng phát triển năng lực thông qua mô hình dạy học kết hợp.
2	Tổ chức thực nghiệm sư phạm ở 2 lớp GDTH K21 No2 và No3.
3	Phân tích, đánh giá các kết quả thực nghiệm và đưa ra những kết luận và kiến nghị cần thiết.

3.1.3. Nguyên tắc thực nghiệm

Các hoạt động dạy học được lựa chọn thiết kế và tổ chức phù hợp với nội dung bài học Địa lí và có tác động tích cực đến người học theo tiếp cận của mô hình học tập kết hợp theo hướng phát triển năng lực.

Thiết kế bài học thực nghiệm và đối chứng phải củng cố, mở rộng kiến thức bài học trong chương trình đào tạo.

Lớp thực nghiệm và lớp đối chứng phải cùng có các điều kiện sau:

Stt	Đặc điểm của lớp TN và ĐC
1	Trình độ SV tương đương nhau và SV có ý thức học tập.
2	Số SV tương đương nhau
3	Không gian và điều kiện học tập tương đương nhau
4	Cùng do một GV giảng dạy
5	Kết quả thực nghiệm được đánh giá khách quan, khoa học với các bài kiểm tra kiến thức và phiếu điều tra tâm lí của SV

3.2. Nội dung thực nghiệm

3.2.1. Các bài thực nghiệm

Bài 2: Hình dạng, kích thước, cấu tạo của Trái đất và hệ quả (1 tiết)

Bài 6: Châu Á, châu Đại dương, châu Nam Cực (1 tiết)

3.2.2. Kiểm tra, đối chứng đánh giá hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức bài học theo mô hình học tập kết hợp (Blended learning)

3.2.2.1. Khảo sát ý kiến của GV và SV về trang Mạng xã hội học tập Edmodo hỗ trợ bài học Địa lí

3.2.2.2. Kiểm tra, đối chứng đánh giá hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức bài học theo mô hình học tập kết hợp (Blended learning) với sự hỗ trợ của trang mạng xã hội Edmodo

3.3. Phương pháp thực nghiệm

GV, SV đánh giá về cấu trúc, nội dung, hình thức của Edmodo thông qua các phiếu điều tra được gửi tới.

Tiến hành soạn thảo những nội dung cụ thể và quá trình tổ chức từng bài học Địa lí theo mô hình học tập kết hợp. Sau đó, cung cấp tài liệu cho SV học lớp thực nghiệm.

Tác giả trực tiếp tổ chức dạy học các lớp thực nghiệm và đối chứng.

Gặp gỡ và trao đổi với SV sau khi kết thúc mỗi bài học nhằm đánh giá mức độ phù hợp của các nội dung các hoạt động học tập theo mô hình học tập kết hợp, nhất là thông qua dạy học bằng mạng xã hội Edmodo đã xây dựng; chủ động điều chỉnh và bổ sung những nội dung cho phù hợp cũng như tiến trình tổ chức các bài học đã dự kiến, rút kinh nghiệm cho việc tổ chức các bài học sau này.

Đánh giá kết quả của việc tổ chức các bài học Địa lí theo mô hình học tập kết hợp qua quan sát các sản phẩm mà SV làm ra và qua các phiếu điều tra sau khi kết thúc các hoạt động dạy học.

3.4. Tổ chức thực nghiệm

3.4.1. Đối tượng, thời gian, quy trình thực nghiệm

3.4.1.1. Đối tượng thực nghiệm

Trong điều kiện tiến hành tác giả đã chọn 4 lớp: 2 lớp đối chứng và 2 lớp thực nghiệm theo các tiêu chí ở trên.

3.4.1.2. Thời gian thực nghiệm

Theo Chương trình đào tạo, học phần Cơ sở tự nhiên – xã hội, Sinh lý trẻ được dạy ở học kỳ II, năm thứ nhất. Thời điểm thực nghiệm được tiến hành từ cuối tháng 12/2014

3.4.1.3. Quy trình thực nghiệm sư phạm

Việc thực nghiệm được tiến hành song song giữa lớp thực nghiệm và lớp đối chứng. Tìm hiểu về nhận thức của SV về Địa lí, về sử dụng máy tính trong học tập và về thói quen tự học trước khi lên lớp thông qua các phiếu điều tra và phỏng vấn trực tiếp. Thiết kế nội dung các bài học Địa lí trong dạy học cho SV ngành GDTH theo mô hình học tập kết hợp bằng công cụ chính là các ứng dụng của mạng xã hội học tập Edmodo.

Tiến hành thực nghiệm. Kiểm tra nhận thức của SV sau khi thực nghiệm bằng phiếu đánh giá. Đánh giá kết quả thực nghiệm.

3.4.2. Tổ chức thực nghiệm kiểm chứng giả thuyết

3.4.2.1. Phương pháp tiến hành

Các bước thực nghiệm	**Nội dung**
Bước 1: Thiết kế bài học thực nghiệm	- Khảo sát các yếu tố đầu vào: Đối tượng SV (trình độ và hiểu biết của SV). - Đặt giả thuyết khoa học - Xác định mục tiêu, xây dựng mục tiêu (Một bài học cho lớp TN, 1 bài học cho lớp ĐC).
Bước 2: Tiến hành thực nghiệm các bài học	- Tổ chức cho SV thực hiện các bài học - Tiến hành tổ chức hoạt động học tập kết hợp quan sát, ghi chép để làm cơ sở cho việc so sánh, phân tích và đánh giá kết quả.
Bước 3: Đánh giá kết quả để khẳng định giả thuyết	- Phân tích kết quả đạt được. - Xử lí kết quả thực nghiệm để phân loại SV. So sánh kết quả của lớp TN và lớp ĐC để rút ra tính khả thi của đề tài.
Các bước xử lí kết quả thực nghiệm:	- Tiến hành chấm điểm SV ở các lớp ĐC và TN theo thang điểm 10. - Thống kê kết quả sau khi chấm điểm. - Tính điểm trung bình của lớp TN và ĐC. - Xử lí kết quả theo các thang bậc từ yếu đến giỏi để so sánh, đối chiếu và rút ra kết luận: Loại yếu: dưới 5 điểm; Loại trung bình: từ 5 đến 6 điểm; Loại khá từ 7 đến 8 điểm; Loại giỏi từ 9 đến 10 điểm.
So sánh giả thuyết khoa học với mục tiêu ban đầu để rút ra những đánh giá cần thiết. GgV tổ chức SV thực hiện bài học đã thiết kế dành riêng cho 2 nhóm lớp TN và ĐC do tác giả trực tiếp giảng dạy	

3.4.2.2. Thực nghiệm

a. Mục đích

Kiểm chứng hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức bài học Địa lí trong dạy học cho SV ngành Giáo dục Tiểu học với sự hỗ trợ của MXHHT Edmodo theo mô hình học tập kết hợp so với bài học được thiết kế và tổ chức trên quan điểm lấy thầy làm trung tâm, sử dụng nguồn CNTT ở mức tham khảo thông tin.

b. Địa điểm, thời gian thực nghiệm

- Địa điểm thực nghiệm: SV năm thứ nhất của khoa Giáo dục Tiểu học, trường ĐH Thủ đô Hà Nội.

- *Thời gian:* Tháng 12/2014

c. Nội dung thực nghiệm

Bài 2: Hình dạng, kích thước, cấu tạo của Trái đất và hệ quả (1 tiết)

Bài 5: Châu Á, châu Đại dương, châu Nam Cực (1 tiết)

3.4.2.3. Tiến hành thực nghiệm

- Xây dựng hồ sơ SV ở 2 nhóm lớp thực nghiệm và đối chứng
- Tiến hành thực nghiệm như bản thiết kế
- Kiểm tra kiến thức SV thông qua bài trắc nghiệm, kiểm tra kĩ năng, thái độ qua phiếu điều tra sau khi tiến hành thực nghiệm.
- Khảo sát bằng phiếu điều tra về cấu trúc, nội dung, hình thức của mạng xã hội học tập Edmodo

3.5. Kết quả thực nghiệm

3.5.1. Kết quả thực nghiệm thông qua các ý kiến phản hồi của SV

3.5.2. Kết quả thực nghiệm thông qua chứng minh giả thuyết

Trên cơ sở phân tích và so sánh các kết quả thu được ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng, chúng tôi đã có đủ căn cứ để rút ra kết luận quan trọng là: *Hiệu quả của bài học Địa lí theo tiếp cận của Blended learning với sự hỗ trợ của mạng xã hội học tập Edmodo sẽ có hiệu quả cao hơn bài học được thiết kế và tổ chức trên quan điểm lấy thầy làm trung tâm hoặc sử dụng nguồn CNTT ở mức độ đơn giản.*

3.6. Nhận xét, đánh giá kết quả thực nghiệm

1. Sử dụng mô hình học tập kết hợp (Blended learning) với sự trợ giúp đắc lực của webquest Edmodo nhằm tổ chức dạy học Địa lí cho SV ngành GDTH đã đem lại hiệu quả cao

2. Hiệu quả của bài học Địa lí theo mô hình học tập kết hợp (Blended learning) với sự hỗ trợ của mạng xã hội học tập Edmodo sẽ có hiệu quả cao hơn bài học được thiết kế và tổ chức trên quan điểm lấy thầy làm trung tâm.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

1. Mục đích quan trọng thực nghiệm sư phạm của đề tài là kiểm chứng tính hiệu quả và khả thi của việc UDCNTT và TT vào dạy học Địa lí theo mô hình học tập kết hợp (Blended learning) mà đề tài đã xác lập và biến đổi. Thực nghiệm sư phạm của đề tài tập trung vào việc áp dụng mô hình đã được xác lập trong chương 2 cho SV lớp GDTH K20 và GDTH K21, khoa Giáo dục Tiểu học, trường ĐH Thủ đô Hà Nội qua phần Địa lí thuộc học phần Cơ sở Tự nhiên – Xã hội.

2. Trên cơ sở xác định mục đích, nhiệm vụ và các nguyên tắc thực nghiệm sư phạm, đề tài đã tiến hành thực nghiệm trên 2 khóa SV nhằm kiểm chứng kĩ lưỡng giả thuyết khoa học đã đặt ra.

3. Thực nghiệm sư phạm đã được xác định mục đích, giả thuyết khoa học, phương pháp thực nghiệm, phương pháp đánh giá kết quả thực nghiệm định lượng và định tính; đánh giá sự phát triển năng lực của SV thông qua điểm số và các hoạt động học tập của SV.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Thứ nhất: Blended learning là một mô hình dạy và học hiệu quả, trên cơ sở sử dụng CNTT và TT để kết nối những ưu thế của dạy học truyền thống với dạy học trực tuyến. Mô hình này đã đem lại hiệu quả cao phù hợp với xu hướng đổi mới trong giáo dục hiện nay và đặc biệt là có hiệu quả tích cực với việc dạy học Địa lí.

Thứ hai: Dạy học Địa lí trong chương trình đào tạo giáo viên Tiểu học ở Việt Nam hiện nay hoàn toàn thích hợp với mô hình học tập kết Blended learning với sự hỗ trợ của mạng xã hội học tập Edmodo.

Thứ ba: Xây dựng và sử dụng hệ thống website, mạng xã hội học tập, webquest… trong dạy học Địa lí đã trở thành một xu thế tất yếu. Điều đó, hoàn toàn phù hợp với đặc điểm và năng lực của giảng viên, sinh viên các trường Đại học – Cao đẳng của Việt Nam hiện nay.

Thứ tư: Quy trình thiết kế và tổ chức các bài học Địa lí trong chương trình đào tạo giáo viên Tiểu học theo mô hình học tập kết hợp (Blended learning) được thiết kế trên quan điểm của Công nghệ dạy học; Quan điểm dạy học lấy HS làm trung tâm; Quan điểm phát triển năng lực người học với sự hỗ trợ của công cụ dạy học trực tuyến là mạng xã hội học tập Edmodo; được chia thành các giai đoạn; Trong đó giai đoạn thiết kế công cụ day-học; Thiết kế mục tiêu; Xác định điều kiện đầu vào; Thiết kế chi tiết các hoạt động (Tạo động lực; Đánh giá); Và thể hiện bản thiết kế là các giai đoạn quan trọng.

Thứ năm: Cần thiết phải xác lập môi trường của học tập kết hợp (Blended learning), qui trình thiết kế và tổ chức tổ chức các bài học Địa lí cho SV nhằm đem lại hiệu quả cao nhất

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với các trường, các khoa đào tạo giáo viên Tiểu học

- Cần tạo cơ chế trong quản lí và thực hiện đào tạo về định hướng UDCNTT và TT trong dạy học nói chung, dạy học địa lí nói riêng một hành lang pháp lí để GV thực hiện đúng theo chương trình đã được phê duyệt.
- Quan tâm, tạo lập các điều kiện cần thiết cho việc áp dụng mô hình tổ chức dạy học kết hợp (Blended learning).

2.2. Đối với giảng viên

- Khi UDCNTT và TT vào dạy học địa lí cho SV bằng mô hình học tập kết hợp cần quan tâm tới việc xây dựng bài học theo đúng cấu trúc, qui trình của mô hình, đồng thời xem xét việc tạo lập các cơ sở và điều kiện cần và đủ cho việc tổ chức hoạt động học tập cho SV.
- Có các biện pháp cụ thể, thiết thực nhằm nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV, mặt khác tăng cường tương tác đa chiều giữ GV-SV, SV –

SV trong quá trình học tập.

- Xác định các năng lực cần hình thành và phát triển cho SV thông qua việc học tập theo mô hình học tập kết hợp với số lượng và mực độ phù hợp để đảm bảo tính khả thi.

- Để đạt được mục tiêu đã đề ra, cần nghiên cứu, thiết kế cách họa động dạy học trong các giai đoạn học tập kết hợp một cách hợp lí, tạo dựng và duy trì mô trường học tập mọi lúc, mọi nơi nhằm thúc đẩy chất lượng học tập, nâng cao năng lực cho SV.

2.3. Đối với sinh viên

- Học tập theo mô hình học tập kết hợp đòi hỏi SV phải có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có tinh thần tích cực, chủ động tự giác cao trong học tập. Vì vậy, SV cần biết cách xây dựng kế hoạch học tập của bản thân, nâng cao kỹ năng CNTT và phát triển các năng lực học tập một cách toàn diện.

- Trong quá trình học tập theo mô hình học tập kết hợp với sự hỗ trợ của CNTT và TT, SV phải có kĩ năng lập luận khoa học, xây dựng các bài báo cáo súc tích, lozic và có những ý kiến xác đáng về các vấn đề được GV và các SV khác đưa ra bàn luận. Thông qua đó, SV sẽ ngày càng hoàn thiện các năng lực của bản thân theo hướng tích cực.